Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6307.90.40

Mã HS	6307.90.40
Mô tả hàng hóa	Các mặt hàng đã hoàn thiện khác, kể cả mẫu cắt may / - Loại khác: / - - Khẩu trang phẫu thuật
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 01:02:53
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/63079040/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9916
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9916
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9916
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, MY)	0% (trừ KH, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9452
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9403
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9403
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9403
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9403
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9403
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9403
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9455
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9455

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9455
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9455
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9455
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9455
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9456
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9456
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9456
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9456
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9456
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9456
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9457
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9409
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9415
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9415
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9415
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9415
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9415
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9415
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9440
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9440
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9440
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9440
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9440
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9440
VCFTA	2022	2022	0	VC!D9486
VCFTA	2023	2023	0	VC!E9486

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9486
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9486
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9486
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9486
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9465
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9465
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9465
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9465
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9465
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9465
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9478
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9478
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9478
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9478
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9478
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9478
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9488
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9488
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9488
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9488
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9488
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9488
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9487
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9487
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9487
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9487

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9487
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9487
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9434
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9434
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9434
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9434
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9434
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9434
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9434
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9472
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9472
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9472
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9472
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9472
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9472
RCEP B	2022	2022	0	B!D9472
RCEP B	2023	2023	0	B!E9472
RCEP B	2024	2024	0	B!F9472
RCEP B	2025	2025	0	B!G9472
RCEP B	2026	2026	0	B!H9472
RCEP B	2027	2027	0	B!I9472
RCEP C	2022	2022	0	C!D9472
RCEP C	2023	2023	0	C!E9472
RCEP C	2024	2024	0	C!F9472
RCEP C	2025	2025	0	C!G9472
RCEP C	2026	2026	0	C!H9472

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9472
RCEP D	2022	2022	0	D!D9471
RCEP D	2023	2023	0	D!E9471
RCEP D	2024	2024	0	D!F9471
RCEP D	2025	2025	0	D!G9471
RCEP D	2026	2026	0	D!H9471
RCEP D	2027	2027	0	D!I9471
RCEP E	2022	2022	0	E!D9475
RCEP E	2023	2023	0	E!E9475
RCEP E	2024	2024	0	E!F9475
RCEP E	2025	2025	0	E!G9475
RCEP E	2026	2026	0	E!H9475
RCEP E	2027	2027	0	E!I9475
RCEP F	2022	2022	0	F!D9472
RCEP F	2023	2023	0	F!E9472
RCEP F	2024	2024	0	F!F9472
RCEP F	2025	2025	0	F!G9472
RCEP F	2026	2026	0	F!H9472
RCEP F	2027	2027	0	F!I9472
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F8768
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G8768
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H8768
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I8768

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6307.90 có 7 dòng thuế; dòng 6307.90.40 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Khẩu trang phẫu thuật.	6307.90.30 Tấm phủ ô che cắt sẵn hình tam giác; 6307.90.61 Phù hợp dùng trong công nghiệp; 6307.90.69 Loại khác; 6307.90.70 Quạt và màn che kéo bằng tay; 6307.90.80 Dây buộc dùng cho giày, ủng, áo nịt ngực (corset) và các loại tương tự(SEN); 6307.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6307.90.40. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 6307.90.40 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9916), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.